

BẢNG TỔNG HỢP XÁC ĐỊNH CHỈ TIÊU TUYỂN SINH ĐÀO TẠO CHUYÊN KHOA, BÁC SĨ NỘI TRÚ NĂM 2020

Đơn vị báo cáo: Trường Đại học Y Hà Nội

TT	Trình độ, tên từng chuyên ngành	Tổng quy mô đào tạo tại thời điểm xác định chỉ tiêu tuyển sinh	Dự kiến số học viên tốt nghiệp năm 2020	Số học viên còn lại	Chỉ tiêu đề xuất 2020	Tổng quy mô đào tạo dự kiến 2020	Số lượng GV cơ hữu	Số lượng GV thỉnh giảng theo hướng dẫn của Bộ Y tế	Tổng giảng viên	Tổng quy mô đào tạo tính theo năng lực đội ngũ giảng viên	Chỉ tiêu được tuyển sinh năm 2020 của Cơ sở đào tạo
		(1)	(2)	(3) = (1-2)	(4)	(5) = (3+ 4)	(6)	(7)	(8) = (6+ 7)	(9)	(10) = (9-3)
I	CHUYÊN KHOA 2									(9) = 8*3	
1	Chẩn đoán hình ảnh	28	28	0	27	27	7	2	9	27	27
2	Da liễu	14	9	5	7	12	4	0	4	12	7
3	Dị ứng - MDLS	3	3	0	3	3	1	0	1	3	3
4	Gây mê hồi sức	18	18	0	15	15	3	2	5	15	15
5	Giải phẫu bệnh	11	7	4	4	8	3	0	3	9	5
6	Hóa sinh y học	3	3	0	6	6	2	0	2	6	6
7	Hồi sức cấp cứu	16	8	8	7	15	3	2	5	15	7
8	Huyết học và truyền máu	20	11	9	5	14	2	3	5	15	6
9	Ký sinh trùng			0	3	3	1	0	1	3	3
10	Lao và bệnh phổi	3	3	0	27	27	4	5	9	27	27
11	Ngoại khoa	112	49	63	57	120	22	18	40	120	57
12	Nhãn khoa	21	14	7	17	24	1	7	8	24	17
13	Nhi khoa	55	30	25	13	38	5	8	13	39	14
14	Nội khoa	19		19	20	39	0	0	0	0	20
15	Lão khoa	14	5	9	6	15	2	3	5	15	6
16	Nội - Hô hấp	8	5	3	6	9	1	2	3	9	6
17	Nội - Thận Tiết niệu	4	2	2	4	6	2	0	2	6	4
18	Nội - Nội tiết	11	8	3	6	9	3	0	3	9	6
19	Nội - Tiêu hóa	15	7	8	7	15	2	3	5	15	7
20	Nội-Tim mạch	29	11	18	12	30	7	2	9	27	9

TT	Trình độ, tên từng chuyên ngành	Tổng quy mô đào tạo tại thời điểm xác định chỉ tiêu tuyển sinh	Dự kiến số học viên tốt nghiệp năm 2020	Số học viên còn lại	Chỉ tiêu đề xuất 2020	Tổng quy mô đào tạo dự kiến 2020	Số lượng GV cơ hữu	Số lượng GV thỉnh giảng theo hướng dẫn của Bộ Y tế	Tổng giảng viên	Tổng quy mô đào tạo tính theo năng lực đội ngũ giảng viên	Chỉ tiêu được tuyển sinh năm 2020 của Cơ sở đào tạo
		(1)	(2)	(3) = (1-2)	(4)	(5) = (3+ 4)	(6)	(7)	(8) = (6+ 7)	(9)	(10) = (9-3)
21	Nội-xương khớp	15	5	10	8	18	1	5	6	18	8
22	Phục hồi chức năng	8	4	4	6	10	2	1	3	9	5
23	Răng - Hàm - Mặt	16	7	9	100	109	14	25	39	117	108
24	Sản Phụ khoa	67	27	40	20	60	12	8	20	60	20
25	Tai - Mũi - Họng	12	7	5	10	15	5	0	5	15	10
26	Tâm thần	15	3	12	10	22	3	4	7	21	9
27	Thần kinh	7	4	3	30	33	2	9	11	33	30
28	Truyền nhiễm & các bệnh nhiệt đới	7	4	3	15	18	1	5	6	18	15
29	Ung thư	50	27	23	28	51	2	15	17	51	28
30	Vi sinh y học	4	3	1	5	6	2	0	2	6	5
31	Y học cổ truyền	17	6	11	10	21	6	1	7	21	10
32	Y pháp			0	6	6	1	1	2	6	6
33	Y học hạt nhân			0	12	12	1	1	2	6	6
34	Quản lý y tế	23	3	20	32	52	12	5	17	51	31
35	Y tế công cộng	0		0	48	48	11	5	16	48	48
	Tổng	645	321	324	592	916	150	142	292	876	591
II	BÁC SĨ NỘI TRÚ										
1	Chẩn đoán hình ảnh	85	20	65	58	123	5	36	41	123	58
2	Da liễu	18	7	11	28	39	11	2	13	39	28
3	Dị ứng - MDLS	14	5	9	24	33	6	5	11	33	24
4	Dược lý và độc chất	3	1	2	22	24	8	0	8	24	22
5	Gây mê hồi sức	32	12	20	19	39	8	5	13	39	19
6	Giải phẫu bệnh	28	6	22	14	36	6	6	12	36	14
7	Giải phẫu người	3	1	2	43	45	15	0	15	45	43
8	Hóa sinh y học	20	7	13	11	24	4	4	8	24	11
9	Hồi sức cấp cứu	25	10	15	21	36	4	8	12	36	21

TT	Trình độ, tên từng chuyên ngành	Tổng quy mô đào tạo tại thời điểm xác định chỉ tiêu tuyển sinh	Dự kiến số học viên tốt nghiệp năm 2020	Số học viên còn lại	Chỉ tiêu đề xuất 2020	Tổng quy mô đào tạo dự kiến 2020	Số lượng GV cơ hữu	Số lượng GV thỉnh giảng theo hướng dẫn của Bộ Y tế	Tổng giảng viên	Tổng quy mô đào tạo tính theo năng lực đội ngũ giảng viên	Chỉ tiêu được tuyển sinh năm 2020 của Cơ sở đào tạo
		(1)	(2)	(3) = (1-2)	(4)	(5) = (3+ 4)	(6)	(7)	(8) = (6+ 7)	(9)	(10) = (9-3)
10	Huyết học - Truyền máu	37	13	24	9	33	8	3	11	33	9
11	Ký sinh trùng	1	1	0	6	6	1	1	2	6	6
12	Lao	26	7	19	5	24	1	7	8	24	5
13	Mô phôi thai học	8	3	5	28	33	10	1	11	33	28
14	Ngoại khoa	143	39	104	70	174	19	39	58	174	70
15	Nhãn khoa	15	4	11	76	87	13	16	29	87	76
16	Nhi khoa	60	21	39	54	93	12	19	31	93	54
17	Nội khoa	156	35	121	68	189	28	15	43	129	8
18	Lão khoa	0		0	3	3	5	3	8	24	24
19	Nội Tim mạch	59	18	41	22	63	8	13	21	63	22
20	Phẫu thuật tạo hình	18	6	12	18	30	7	3	10	30	18
21	Phục hồi chức năng	24	6	18	10	28	4	5	9	27	9
22	Răng - Hàm - Mặt	18	6	12	15	27	6	3	9	27	15
23	Sản phụ khoa	33	10	23	16	39	2	11	13	39	16
24	Sinh lý bệnh-Miễn dịch	3	2	1	10	11	7	0	7	21	20
25	Sinh lý học	8	4	4	10	14	7	0	7	21	17
26	Tai - Mũi - Họng	27	7	20	13	33	9	2	11	33	13
27	Tâm thần	32	5	27	15	42	10	10	20	60	33
28	Thần kinh	33	10	23	25	48	10	6	16	48	25
29	Truyền nhiễm và các bệnh nhiệt đới	35	11	24	6	30	7	3	10	30	6
30	Ung thư	62	14	48	30	78	12	14	26	78	30
31	Vi sinh y học	10	2	8	10	18	2	4	6	18	10
32	Y học cổ truyền	28	8	20	22	42	13	1	14	42	22
33	Y học gia đình	17	4	13	86	99	7	26	33	99	86
34	Y pháp	1		1	10	11	3	2	5	15	14
35	Y sinh học di truyền	23	4	19	20	39	9	8	17	51	32

TT	Trình độ, tên từng chuyên ngành	Tổng quy mô đào tạo tại thời điểm xác định chỉ tiêu tuyển sinh	Dự kiến số học viên tốt nghiệp năm 2020	Số học viên còn lại	Chỉ tiêu đề xuất 2020	Tổng quy mô đào tạo dự kiến 2020	Số lượng GV cơ hữu	Số lượng GV thỉnh giảng theo hướng dẫn của Bộ Y tế	Tổng giảng viên	Tổng quy mô đào tạo tính theo năng lực đội ngũ giảng viên	Chỉ tiêu được tuyển sinh năm 2020 của Cơ sở đào tạo
		(1)	(2)	(3) = (1-2)	(4)	(5) = (3+ 4)	(6)	(7)	(8) = (6+ 7)	(9)	(10) = (9-3)
36	Dinh dưỡng	11	3	8	17	25	3	12	15	45	37
37	Y học dự phòng	11	3	8	16	24	3	5	8	24	16
	Tổng	1127	315	812	930	1742	293	298	591	1773	961
III	CHUYÊN KHOA I									(9) = 8*10	
1	Chẩn đoán hình ảnh	65	65	0	150	150	0	35	35	350	350
2	Da liễu	38	20	18	32	50	2	3	5	50	32
3	Dị ứng - MDLS			0	10	10	1	0	1	10	10
4	Gây mê hồi sức	80	58	22	48	70	6	1	7	70	48
5	Giải phẫu bệnh	29	13	16	14	30	1	2	3	30	14
6	Hoá sinh Y học	10	5	5	25	30	2	1	3	30	25
7	Hồi sức cấp cứu	89	64	25	55	80	4	4	8	80	55
8	Huyết học - Truyền máu	26	13	13	27	40	4	0	4	40	27
9	Ký sinh trùng			0	20	20	0	2	2	20	20
10	KTYH chuyên ngành-XN	26	14	12	58	70	7	18	25	250	238
11	Lao	8	5	3	27	30	1	2	3	30	27
12	Ngoại khoa	155	85	70	190	260	13	13	26	260	190
13	Nhãn khoa	47	22	25	164	189	6	13	19	190	165
14	Nhi khoa	249	129	120	95	215	14	9	23	230	110
15	Nội khoa	259	132	127	100	227	9	9	18	180	100
16	Nội Tim mạch	0		0	70	70	4	3	7	70	70
17	Phục hồi chức năng	26	14	12	18	30	2	1	3	30	18
18	Răng Hàm Mặt	52	27	25	84	109	3	8	11	110	85
19	Sản phụ khoa	227	133	94	76	170	14	3	17	170	76
20	Tai Mũi Họng	69	35	34	36	70	4	3	7	70	36
21	Tâm thần	13	7	6	24	30	0	3	3	30	24
22	Thần kinh	19	13	6	34	40	0	4	4	40	34

TT	Trình độ, tên từng chuyên ngành	Tổng quy mô đào tạo tại thời điểm xác định chỉ tiêu tuyển sinh	Dự kiến số học viên tốt nghiệp năm 2020	Số học viên còn lại	Chỉ tiêu đề xuất 2020	Tổng quy mô đào tạo dự kiến 2020	Số lượng GV cơ hữu	Số lượng GV thỉnh giảng theo hướng dẫn của Bộ Y tế	Tổng giảng viên	Tổng quy mô đào tạo tính theo năng lực đội ngũ giảng viên	Chỉ tiêu được tuyển sinh năm 2020 của Cơ sở đào tạo
		(1)	(2)	(3) = (1-2)	(4)	(5) = (3+ 4)	(6)	(7)	(8) = (6+ 7)	(9)	(10) = (9-3)
23	Truyền nhiễm & các bệnh nhiệt đới	70	16	54	16	70	3	4	7	70	16
24	Ung thư	39	20	19	61	80	7	1	8	80	61
25	Vi sinh	9	5	4	26	30	2	1	3	30	26
26	Y học cổ truyền	72	36	36	100	136	13	5	18	180	144
27	Y học gia đình	5	4	1	19	20	4	8	12	120	119
28	Y học hạt nhân	3	2	1	10	11	1	3	4	40	39
29	Y pháp	1	1	0	20	20	6	0	6	60	60
30	Dinh dưỡng	3	3	0	50	50	1	14	15	150	150
31	Y học dự phòng	1	0	1	100	101	4	16	20	200	199
32	Y tế công cộng	26		26	100	126	4	17	21	210	184
	Tổng	1716	941	775	1859	2634	142	206	348	3480	2752

Người lập bảng: Trần Thị Bích Hòa
 Chữ ký:
 Điện thoại: 0988278848
 Email: tbichhoa@hmu.edu.vn

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2020

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG


Đoàn Quốc Hưng